

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+AMD	7:25	18+4	0+0	10+12	0+0		
2		CLO+BK14+VSP01	7:25	3+4+13	0+0+0	0+2+20	0+0+0		
3		T.UNG	7:25	15	0	19	0		
4		P1+AMD	9:25	4+17	0+0	0+22	0+0		
5		TGTH5+P2+RP2	9:25	7+8+6	0+0+0	7+2+9	0+0+0		

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: VSP01 - AMD	CREW: DUONG - HTRUNG - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1391	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KOZLOV E. A.	VSP01	16	1	10	1	16	79	KH-THAC	Russian
2	BORVINSKY A.A.	VSP01	17	1	9			94	KH-THAC	Russian
3	HUYNH KIM KHANH	VSP01	24	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG THANH	VSP01	08-09	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HAI HA	VSP01	25-26	2	20			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NAM SINH	VSP01	18	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN CHAU	VSP01	05	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VAN TRUONG	VSP01	10	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH TIEN BINH	VSP01	15	1	7			93	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH LOI	VSP01	14	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
11	HO BINH TRONG	VSP01	12-13	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VIET PHUONG	VSP01	06-07	2	10			71	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01	20-21	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VIET TUNG	VSP01	23	1	16			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	22	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
16	VU HAI DANG	VSP01	19	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH TUAN	VSP01	11	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
18	STANLEY FUREY	AMD	94-95	2	16	6	110	108	BAB	British
19	DUONG CHI PHONG	AMD	84-85	2	6			69	KH-THAC	Vietnamese
20	DAO MINH TUAN	AMD	93	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ANH DUNG	AMD	86	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	17	1.268	22	147	1	16	10		
2	AMD	4	328	6	29	6	110	12		
TOTAL		21	1.596	28	176	7	126	22		
WEIGHT KG			1.596		176		126			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HUONG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: CLO - BK14 - VSP01	CREW: KHOÀN - SON - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1393	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN NGỌC HUÂN	CLO	73-74	2	16			82	BAKER HUGO	Vietnamese
2	ĐOÀN THANH HUY	CLO	75-76	2	16			65	BAKER HUGO	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN KIẾN	CLO	77	1	6			65	PSV	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN HIỆU	BK14	76	1	14	2	26	81	KH-THAC	Vietnamese
5	TÀ HỒNG QUÂN	BK14	79	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ MINH TUNG	BK14	78	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
7	IUKHIMCHUK A.	BK14	77	1	12			85	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN NGỌC LÂN	VSP01				2	40	73	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TẤN SANG	VSP01	45	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY ĐỒNG	VSP01	36	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	41	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRẦN BÌNH	VSP01	43-44	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH HÀ	VSP01	39	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THƯỢNG HẢI	VSP01	35	1	3			51	KH-THAC	Vietnamese
15	LẠI TUẤN ANH	VSP01	37-38	2	10			90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG HÀ	VSP01	47-48	2	8			84	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUY	VSP01						66	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG MINH TÂM	VSP01	42	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ MINH HỘI	VSP01	46	1	3			72	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ MINH THUẬN	VSP01	33-34	2	13			77	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	40	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	3	212	5	38	0	0	0		
2	BK14	4	306	4	53	2	26	2		
3	VSP01	14	988	16	88	2	40	20		
TOTAL		21	1.506	25	179	4	66	22		
WEIGHT KG			1.506		179		66			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:40
B.CARD: trang-1	TO:T.UNG	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 10:50
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1385	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	51-52	2	17			75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	56	1	6	6	110	78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	55	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ THANH TUNG	T.UNG	58	1	4			94	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	T.UNG	99	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
6	DUƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	54	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	62-63	2	12			82	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG						68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	57	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐAN	T.UNG						62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY DU	T.UNG	60-61	2	10			98	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH HAO	T.UNG	53	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐUƠNG NGỌC HIỀN	T.UNG	59	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC SÙNG	T.UNG	64-65	2	13			54	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN XUÂN	T.UNG	50	1	5			72	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	15	1.084	17	103	6	110	19		
TOTAL		15	1.084	17	103	6	110	19		
WEIGHT KG			1.084		103		110			

GRAND TOAL: 1.297 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN
ĐẶNG NGỌC MẠNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P1 - AMD	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1392	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THẾ QUANG	P1	55	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN GIA CUƠNG	P1	56	1	14			67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN AN NINH	P1	59	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ HỒNG QUÂN	P1	57-58	2	16			82	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	33	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ MẠNH HÀ	AMD	46	1	9	1	10	86	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NGHĨA	AMD	49-50	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
8	VÕ NGỌC CHÍNH	AMD	45	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	38	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	42	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
11	LE HỒNG THAI	AMD	34	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	37	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG HỒ NGHĨA	AMD	47	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH VĂN THAI	AMD	32	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH PHÚC AM	AMD	43-44	2	7			66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	40	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	48	1	6			53	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	39	1	9			63	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	35	1	2			65	PSV	Vietnamese
20	PHẠM TUẤN THANH	AMD	36	1	4			78	PSV	Vietnamese
21	PHAN VĂN TRỌNG	AMD	41	1	5			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	4	295	5	56	0	0	0		
2	AMD	17	1.157	19	96	1	10	22		
TOTAL		21	1.452	24	152	1	10	22		
WEIGHT KG			1.452		152		10			

GRAND TOAL: 1.614 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: TGTH5 - P2 - RP2	CREW: XHOÀN - SON - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM26/1394		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DO VAN THAO	TGTH5	72	1	8			69	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	74-75	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DINH	TGTH5	73	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN KHANH	TGTH5	76	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH5	69-70	2	10			80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TAI	TGTH5	71	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO CÔNG BÌNH	TGTH5	68	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN HOA	P2	45	1	7	4	51	72	GPWS	Vietnamese
9	VŨ TIÊN THANH	P2	47	1	13			78	GPWS	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NAM	P2	44	1	13			101	GPWS	Vietnamese
11	TRƯƠNG QUANG NAM	P2	45	1	15			94	GPWS	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THANG	P2	43	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC HIEN	P2	40	1	10			83	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYEN ANH ĐẠO	P2	41-42	2	10			75	DUY LINH	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH HUNG	RP2	20	1	20			72	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG THAI TAI	RP2	17	1	10			76	XAYLAP	Vietnamese
17	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	RP2	23	1	19	1	9	73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG TRUNG	RP2	18-19	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN MANH TUNG	RP2	24-25	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG MINH	RP2	21-22	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH5	7	488	9	64	0	0	7		
2	P2	7	582	8	76	4	51	2		
3	RP2	6	447	9	108	1	9	9		
TOTAL		20	1.517	26	248	5	60	18		
WEIGHT KG			1.517		248		60			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD3	7:25	20+2	0+0		18+4	0+0	
2		CLO+RP1+BK4	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	CHUYEN 2 RP1-BK4
3		TD2+TD1	7:25	5+17	0+0		1+21	0+0	
4		TD2+P8+GTCL	9:25	20+2+0	0+0+0		14+1+2	0+0+0	
5		TD3+CLO	9:25	21+1	0+0		14+8	0+0	
6		TD5+P11+P8+P11	11:45	7+2+10+0	0+0+0+0		0+0+0+12	0+0+0+0	chuyen 12 p11-p8

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD5 - TD3	CREW: QVIỆT - N.CƯƠNG - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1400	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	27	1	5			71	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	26	1	5			100	KHOAN	Russian
3	ĐINH VĂN SỰ	TD5	11	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	18-19	2	8			67	KHOAN	Vietnamese
5	KRISHNA MOORTH. W.	TD5	12	1	10	1	12	79	HALLIBUR	Malaysian
6	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	14	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN PHÙNG QUÊ	TD5	10	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
8	HA VAN PHUC	TD5	06-07	2	16			76	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG NGHĨA	TD5	08	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG LINH	TD5	09	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD5	23	1	15			71	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG THAI	TD5	04	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	02-03	2	9			79	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	05	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VĂN QUYẾT	TD5	01	1	11			87	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ XUÂN THẮNG	TD5	20	1	10	1	13	79	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN AN NHANH	TD5	24-25	2	19			61	HALLIBUR	Vietnamese
18	TRẦN VĂN GIANG	TD5	22	1	5			73	DVL	Vietnamese
19	PHAN THANH TÍNH	TD5	28	1	13	2	22	69	DVL	Vietnamese
20	ĐINH VĂN THẮNG	TD5	17	1	4			72	PSV	Vietnamese
21	ARUSHANOV SERGEI	TD3	47	1	9			124	KHOAN	Russian
22	OVCHARENKO SERGEI	TD3	48	1	3			94	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	20	1.481	24	162	4	47	18		
2	TD3	2	218	2	12	0	0	4		
TOTAL		22	1.699	26	174	4	47	22		
WEIGHT KG			1.699		174		47			

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: CLO - RP1 - BK4	CREW: LHM - TDONG - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1419	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TÔ TUẤN DUY	CLO	12	1	13	5	90	110	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	06	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	03	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	07	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUY THAI	CLO	16	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
6	BUI QUỐC GIA	CLO	14	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC HAI	CLO	18	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
8	HÀ QUỐC DŨNG	CLO	04-05	2	11			79	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN KIM HUNG	CLO	08	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯƠNG VĂN THỌ	CLO	09	1	3			81	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN CÔNG PHU	CLO	10	1	6			85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH TIỀN	CLO	01-02	2	10			98	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM ĐÌNH BẢO	CLO	13	1	11			69	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC THẮNG	CLO	17	1	9			58	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN QUANG HIỀN	CLO	23-24	2	6			67	KHOAN	Vietnamese
16	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	11	1	9			63	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM CV	CLO	22	1	15			75	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN NGỌC	CLO	20-21	2	10			67	DVL	Vietnamese
19	MAI MINH TUẤN	CLO	15	1	7			69	PSV	Vietnamese
20	VŨ VĂN THẨM	CLO	19	1	3			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	20	1.503	24	153	5	90	20		
2	RP1	0	0	0	0	0	0	0	CHUYỂN 2 PAX TỪ RP1-BK4	
3	BK4	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	1.503	24	153	5	90	20		
WEIGHT KG			1.503		153		90			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

 NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

 ĐẶNG THÚY ANH

CREW

 LƯU THANH HẢI
 NGUYỄN THỨC ĐÔNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD2 - TD1	CREW: KHOAN - SON - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1404	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAM VIET DUNG	TD2	10	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
2	VUONG DINH LIEN	TD2	43-44	2	11	1	4	61	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG TUAN	TD2	12-13	2	15			75	KHOAN	Vietnamese
4	DO VAN CUONG	TD2	45	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN VINH	TD2	11	1	15			90	DVL	Vietnamese
6	ZHARIKOV V. A.	TD1	16	1	15			72	KHOAN	Russian
7	LE QUOC BAO	TD1	09	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM CONG TIEN	TD1						70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DANG KHOA	TD1	25	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
10	MAI XUAN TUNG	TD1	24	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VO NHAT QUANG	TD1	10	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
12	VU MANH HAI	TD1	23	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN MINH HOANG	TD1	11	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG XUAN THI	TD1	18	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC THINH	TD1	14	1	13			78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN GIN	TD1	22	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU TRIET	TD1	17	1	6			69	DVL	Vietnamese
18	LE THE LONG	TD1	15	1	13			74	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN CANH THONG	TD1	19-20	2	12	1	12	70	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG NGOC KHANH	TD1	13	1	4			75	PSV	Vietnamese
21	LE VAN TINH	TD1	12	1	4			59	PSV	Vietnamese
22	PHAM VAN HAI	TD1	26	1	6			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	5	367	7	51	1	4	1		
2	TD1	17	1.189	17	112	1	12	21		
TOTAL		22	1.556	24	163	2	16	22		
WEIGHT KG			1.556		163		16			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

DO XUAN HOAN

PHAM THAI SON



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD2 - P8 - GTC1	CREW: VIỆT - N.CƯƠNG - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1401	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ ĐÌNH BA	TD2	35-36	2	19			62	SLB	Vietnamese
2	VÕ TẤN HOA	TD2	33-34	2	16			74	SLB	Vietnamese
3	LIU VAN MANH	TD2	27	1	9			61	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN TRUNG	TD2	32	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
5	CAO VAN LOI	TD2	21	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VINH TINH	TD2	31	1	4			54	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN THANG	TD2	28	1	3			86	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN HIEU	TD2	23	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN TINH	TD2	24	1	14			64	ANTOAN	Vietnamese
10	VU XUAN TRUONG	TD2	16	1	15			65	ANTOAN	Vietnamese
11	HOANG VAN MAO	TD2	20	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
12	VUONG KIEN QUOC	TD2	30	1	9			78	DVL	Vietnamese
13	PHAN VINH TRUONG	TD2	29	1	13			71	DVL	Vietnamese
14	HOANG BA THANG	TD2	25	1	16			62	DVL	Vietnamese
15	TRAN VAN THUAT	TD2	22	1	17			81	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN DUC LONG	TD2	26	1	15			68	DVL	Vietnamese
17	LE VAN TAI	TD2	15	1	8			77	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TE	TD2	19	1	6			72	PSV	Vietnamese
19	PHAM PHU BINH	TD2	17	1	5			67	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CHUONG	TD2	18	1	5			62	PSV	Vietnamese
21	DUONG DIEP PHI	P8						76	KHOAN	Vietnamese
22	VU VAN DOANH	P8	52	1	11			73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	20	1.386	22	197	0	0	14		
2	P8	2	149	1	11	0	0	1		
3	GTC1	0	0	0	0	2	36	2		
TOTAL		22	1.535	23	208	2	36	17		
WEIGHT KG			1.535		208		36			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD3 - CLO	CREW: KHOÀN - SON - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1405	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI HUU VUNG	TD3	24	1	6	3	40	92	KHOAN	Vietnamese
2	LUU VAN SON	TD3	28	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN KIEM	TD3	29	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
4	DO THANH HAI	TD3	23	1	4			103	KHOAN	Vietnamese
5	LAI THE DAT	TD3	25-26	2	9			91	KHOAN	Vietnamese
6	VU TOAN THANG	TD3	18	1	10			76	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN HAI NAM	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN MINH THANG	TD3	17	1	6			125	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM TIEN CHUNG	TD3	32	1	3			95	KHOAN	Vietnamese
10	LAI CAO THANH	TD3	33	1	13			64	KHOAN	Vietnamese
11	CHU QUANG SON	TD3	27	1	11			75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC KHANH	TD3	14-15	2	10			62	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HUU TRUNG	TD3	34	1	15			68	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH SY TUAN	TD3	30-31	2	14			72	KHOAN	Vietnamese
15	TRUONG PHU VINH	TD3	20-21	2	14			63	ABS	Vietnamese
16	TRAN ĐUC THINH	TD3	35-36	2	20			76	SLB	Vietnamese
17	NGUYEN TAT LỘC	TD3	16	1	4			58	PSV	Vietnamese
18	CAO DUY LUNG	TD3	22	1	7			61	PSV	Vietnamese
19	TRAN MANH DUNG	TD3	19	1	4			53	PSV	Vietnamese
20	BUI VAN TINH	TD3	37-39	3	20			75	LONG VU	Vietnamese
21	NGO ĐUC TUAN	TD3	40-41	2	17			72	LONG VU	Vietnamese
22	LE VAN THANG	CLO	30	1	12	1	8	79	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	21	1.576	28	194	3	40	14		
2	CLO	1	79	1	12	1	8	8		
TOTAL		22	1.655	29	206	4	48	22		
WEIGHT KG			1.655		206		48			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: TD5 - P11 - P8 - P11	CREW: KHOAN - NPHU - THANH	ETA: 14:15
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1406	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM VIET HOANG	TD5	33	1	4	4	70	50	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN CHI QUY	TD5	37	1	12			73	HALLUBUR	Vietnamese
3	NGUYEN VO DINH DUY	TD5	31-32	2	20			73	DVL	Vietnamese
4	VU VAN NAM	TD5	30	1	15			74	DVL	Vietnamese
5	VU VAN TRUNG	TD5	36	1	18			78	DVL	Vietnamese
6	ĐẶNG VAN CHUNG	TD5	34	1	16	1	8	71	DVL	Vietnamese
7	DANG QUOC DAT	TD5	29	1	3			81	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN HAU	P11	82	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN LE KIEN	P11	83	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
10	CAO DINH THANH	P8	45	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG ĐỨC ANH	P8	48	1	6			90	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HUU NAM	P8	42	1	7			83	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN THE ĐĂNG	P8	40	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
14	LE NGOC DUY	P8	47-48	2	9			70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN HOA	P8	41	1	10			83	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGOC TU	P8	44	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
17	HUYNH TRUNG NGHIA	P8	43	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN HONG NGU	P8	50	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÀO HUU TẠO	P8	46	1	4			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	7	500	8	88	5	78	0		
2	P11	2	144	2	12	0	0	0	12	CHUYEN 12 PAX P11-P8
3	P8	10	724	11	62	0	0	0		
4	P11	0	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		19	1.368	21	162	5	78	12		
WEIGHT KG			1.368		162		78			

GRAND TOAL: 1.608 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

ĐẶNG THÚY ANH

ĐỖ XUÂN HOÀN
ĐÀO NGỌC PHÚ

